

Bản án số: **85/2018/HSPT**
Ngày: 07 - 02 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Các thẩm phán: Ông **Trương Công Thi**

Ông **Võ Ngọc Thông**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 82/2017/TLPT-HS ngày 20 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo **Nguyễn Thanh T** về tội “*Giết người*” và “*Cướp tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 63/2017/HS-ST ngày 22 - 9 - 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thanh T - Sinh năm: 1982, tại huyện C, tỉnh Gia Lai; Đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông Nguyễn Văn Phú (chết) và bà Trương Thị X; Có vợ Nguyễn Thị N và 07 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/3/2017 đến ngày 27/3/2017 bị tạm giam; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T theo yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Hoàng Ngọc X**, Luật sư, Đoàn sư tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: 102 đường Q, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp cho người bị hại chị Phạm Thị Ngọc D1 (chết):

1. Ông **Phạm Minh Th**, sinh năm 1952 và bà **Trần Thị Ng**, sinh năm 1961; Trú tại: Xóm X, thôn A2, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định (là cha mẹ của chị D1); Đều vắng mặt.

2. Ông **Giáp Bá D**, sinh năm 1978; Trú tại: Tổ 13, phường Tây Sơn, thành phố P, tỉnh Gia Lai (là chồng của chị D1); Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp cho người bị hại:* Ông **Lê Đình Q** - Sinh năm 1950; Trú tại: 51A, đường V, thành phố P, tỉnh Gia Lai (theo các Giấy ủy quyền ngày 28 - 7 - 2017, ngày 30 - 8 - 2017); Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2016, Nguyễn Thanh T có vay 150.000.000đ tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), chi nhánh C - Gia Lai trong thời hạn 11 tháng và thế chấp 03 giấy CNQSDĐ số 891, 896, 927 thuộc tờ bản đồ số 23 tại thôn 6, xã I, huyện C - Gia Lai, tỉnh Gia Lai, hạn trả ngày 26/3/2017 phải trả tiền cho ngân hàng, (Trong thời gian làm thủ tục vay ngân hàng T có gặp chị Phạm Thị Ngọc D1, là giáo viên Trường THCS CVA, thị trấn C, tại đây chị D1 có cho T số điện thoại di động và nói với T nếu cần vay đáo hạn ngân hàng thì liên lạc với chị D1).

Vào khoảng 10h ngày 22/03/2017 do không có tiền để trả ngân hàng và vay đáo hạn ngân hàng, Nguyễn Thanh T đã điện thoại cho chị Phạm Thị Ngọc D1 vay số tiền 150.000.000đ để đáo hạn, chị D1 đồng ý và hẹn trưa ngày 22/3/2017 đến gặp chị D1 tại phòng trọ Tổ dân phố 8, thị trấn C.

Đến khoảng 11h ngày 22/3/2017, Nguyễn Thanh T điều khiển xe mô tô (đi một mình) đến phòng trọ của chị D1 trú đường Phạm Văn Đồng, thuộc Tổ dân phố 8, thị trấn C. Tại đây, chị D1 cho T vay số tiền 150.000.000đ (có viết giấy biên nhận nợ chị D1 giữ). Sau đó, T đã mang số tiền trên đến ngân hàng Vietcombank chi nhánh C – Gia Lai trả và xin vay đáo hạn. Nhưng do T chậm trả lãi nhiều lần (Thuộc trường hợp nợ xấu) nên Ngân hàng không đồng ý cho vay lại, do vậy T không có tiền để trả lại cho chị D1. Nguyễn Thanh T tiếp tục gọi điện thoại nhờ chị D1 giúp đỡ để vay tiền ngân hàng, chị D1 đồng ý và nói T mang các giấy CNQSDĐ đi xóa thế chấp và đưa cho chị D1, để chị D1 liên hệ ngân hàng Sacombank để vay tiền.

Đến 07h11' ngày 23/3/2017 chị Phạm Thị Ngọc D1 điện thoại nói T ra thị trấn C, hai bên thỏa thuận thống nhất tính lãi suất số tiền T đã vay 150.000.000đ (ngày 22/3/2017) là 450.000đ/ngày. Hẹn đến chiều ngày 23/3/2017 chị D1 sẽ đến nhà T để lấy 03 bìa đỏ làm thủ tục vay tiền, thì T đồng ý.

Do đã hẹn với chị D1 vào nhà lấy Giấy CNQSDĐ để vay tiền cho mình, đến khoảng 15h00' ngày 23/3/2017, Nguyễn Thanh T đã nói với chị Nguyễn Thị N (Vợ) đưa 03 con nhỏ (cháu T, Tr, Q) đến nhà anh Nguyễn Thế Nh (anh một T, cách nhà khoảng 500m) chơi và nói: *“Chiều có cán bộ Ngân hàng vào thẩm định cho vay vốn”* và đồng thời điều khiển xe mô tô chở chị Nở cùng các con sang nhà anh Nguyễn Thế Nh, còn các cháu Nguyễn Thị Thủy H, Nguyễn Thị Thúy H1, Nguyễn Thị Mỹ D2 đi học, T ở nhà một mình và ra sân vận động của xã chơi và chờ chị D1.

Vào lúc 15h53' ngày 23/3/2017, sau khi dạy xong 03 tiết ở Trường THCS CVA, chị Phạm Thị Ngọc D1 điện thoại cho Nguyễn Thanh T nói đang trên đường vào và hỏi địa chỉ nhà, khi đến UBND xã I, huyện C gặp T dẫn vào nhà tại thôn 6, xã I (Chị D1 điều khiển xe mô tô BKS 81P1- 181.24). Khi vào nhà, T nói chị D1 ngồi ở phòng khách còn T đi đến quán tạp hóa của chị Mai Thị Hồng Ngọc hàng xóm, mua 02 chai nước trà xanh Q° về mời chị D1 uống ở phòng khách. Chị D1 nói T đưa giấy CNQSDĐ để chị D1 làm thủ tục vay ngân hàng, nhưng T không đồng ý và do có ý định giết chị D1 nhằm chiếm đoạt số tiền 150.000.000đ đã vay, nên T nói dối chị D1: *“Giấy tờ gửi ở nhà mẹ là bà Trương Thị Xuân để T đi lấy giấy CNQSDĐ qua đưa”*. T đi ra chuồng bò phía sau nhà lấy 01 đoạn dây thừng, dài (1,10)m bỏ vào túi quần dài bên phải, đi lên đứng ở phía bên phải, sau lưng chị D1, lợi dụng lúc chị D1 đang sử dụng điện thoại, mất cảnh giác, không để ý, thì T đã cầm hai đầu dây thừng vòng hai vòng quanh cổ chị D1 rồi siết chặt, chị D1 van xin nói: *“Dừng anh, dừng anh”*, đồng thời chụp lấy ly thủy tinh đập vào cánh tay của T làm vỡ ly thủy tinh, nhưng T vẫn không buông và siết chặt, làm chị D1 ngã nằm dưới nền nhà, T tiếp tục dùng chân đạp vào ngực và cầm hai đầu dây siết mạnh cho đến khi chị D1 buông thông hai tay, nằm bất động trên nền nhà, biết chị D1 đã chết T tiếp tục cầm dây thừng kéo xác chị D1 vào buồng ngủ của gia đình, rồi treo cổ chị D1 vào cột giường, sau đó T ra đóng cửa chính lại.

Đến khoảng 17h15' cùng ngày, khi các cháu D, H2, H3 đi học về, sợ các cháu biết sự việc nên T ra trước nhà lấy cặp sách và nói các cháu đi đến nhà bác Nguyễn Thế Nh (anh trai T, trú cùng thôn) chơi với mẹ và các em. Lúc này cháu Hiền phát hiện xe mô tô BKS: 81P1-181.xx của cô Phạm Thị Ngọc D1 để trước hiên nhà và hỏi: *“Xe của ai vậy ba”*, T nói *“Xe ba mượn”*, rồi tất cả đi chơi.

Khi các cháu đi hết T đi bộ đến quán tạp hóa nhà chị Mai Thị Hồng Ng mua 02 bao xác rắn bằng nhựa màu đỏ (loại bao tải) mang về nhà, rồi tháo toàn bộ trang sức trên người chị D1 gồm: 01 lắc tay, 01 sợi dây chuyền, 01 nhẫn, 02 khuyên tai bỏ vào túi nilong cất giấu, rồi bỏ xác chị D1 vào trong 02 bao tải (loại bao xác rắn), cột lại, rồi ra dọn dẹp hiên trường, lấy chiếc điện thoại di động Sam Sung của chị D1 bỏ vào túi quần, gom các mảnh vỡ ly thủy tinh, đôi

găng tay và sợi dây thừng (dùng siết cổ chị D1) để vào xoong Inox, rồi bỏ tất cả vào trong 01 bao nhựa màu vàng.

Đến khoảng 18h30' ngày 23/3/2017, T bỏ xác chị D1 lên xe ba gác móc vào xe mô tô BKS 81B1 - 636.xx (của gia đình) điều khiển chở xác chị D1 đến rẫy hồ tiêu của gia đình T cách nhà khoảng 01km để giấu xác, nhưng khi đến nơi T không tìm được chỗ giấu xác chị D1. Sau đó T bỏ xác chị D1 lên phía sau xe mô tô BKS 81B1 - 636.xx chở đến giếng cạn tại lô đất trống của gia đình T (cạnh nhà anh Nguyễn Đình Trung) ở thôn 6, xã I và ném xác chị D1, cùng các vận dụng xuống giếng. Sau đó đi về nhà dắt chiếc xe mô tô BKS: 81P1-181.xx của chị D1 vào trong nhà cất giấu (trong nhà bếp), đồng thời lấy toàn bộ tài sản của chị D1 gồm: 01 giấy biên nhận nợ 150.000.000đ (đã viết cho chị D1 vào ngày 22/3/2017), các giấy tờ, tài liệu gồm: 01 CMND, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 thẻ đoàn viên; 02 giấy đăng ký xe mô tô; 05 thẻ ATM (mang tên Phạm Thị Ngọc D1 và Giáp Bá D) ở trong cốp xe máy của chị D1 cất giấu, rồi đón vợ, con về nhà ngủ.

Đến 06h00' ngày 24/3/2017, Nguyễn Thanh T điều khiển xe mô tô BKS: 81B1 - 636.xx mang theo giấy biên nhận nợ, cặp da đựng các giấy tờ tài liệu của chị Phạm Thị Ngọc D1 vào rẫy hồ tiêu của gia đình T đốt phi tang, rồi đưa xe mô tô BKS: 81B1 - 636.xx đến tiệm sửa xe của anh Nguyễn Văn L (trú thôn Phú Hòa, xã I, huyện C) gửi lại.

Đến khoảng 19h ngày 23/3/2017, không thấy chị D1 về nhà nên anh Giáp Bá D (là chồng chị D1) và chị Phan Thị Kiều Ng1 (là giáo viên cùng trường với chị D1) gọi điện thoại vào số máy của chị D1 (0914.022.799) thì T nghe máy và nói: "*Chị D1 đang tắm ở nhà nghỉ K (tại thành phố P)*", nhằm mục đích đánh lạc hướng tìm kiếm của gia đình chị D1. Vì vậy, anh D cùng người thân trong gia đình đã tổ chức đi tìm và đồng thời làm đơn trình báo Công an huyện C.

Đến khoảng 08h ngày 24/3/2017 anh Giáp Bá D (chồng chị D1) anh Võ Xuân Ph, anh Nguyễn D (là bạn) đến nhà Nguyễn Thanh T, gặp T hỏi thông tin về chị D1, nhưng T nói dối không biết và lừa mọi người đến Thôn 2 xã I để tìm chị D1. Biết sự việc bị lộ T đã điều khiển xe mô tô BKS: 81P1-181.xx và mang theo toàn bộ tài sản, đã chiếm đoạt của chị D1 bỏ trốn vào đồi E54, thuộc xã I2, huyện C.

Đến 12h30' ngày 24/3/2017, thì quần chúng nhân dân phát hiện xác chị Phạm Thị Ngọc D1 ở dưới giếng cạn, thuộc lô đất trống Thôn 6 xã I của gia đình Nguyễn Thanh T và đồng thời tổ chức đưa xác chị D1 lên và trình báo chính quyền địa phương.

Đến 14h' ngày 24/3/2017, Nguyễn Thanh T đã đến Công an xã I, huyện C đầu thú và khai nhận đã có hành vi dùng dây siết cổ chị D1 chết nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 150.000.000đ (đã vay ngày 22/3/2017).

Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số: T26/TT-TTPY ngày 19/5/2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Gia Lai xác định nạn nhân Phạm Thị Ngọc D1 chết do: “Ngạt do bị siết cổ bằng dây”.

Tại Kết luận giám định pháp y về mô bệnh học số: 64-17/MBH ngày 05/4/2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Gia Lai xác định: “Hình ảnh vi thể các mẫu mô phù hợp với siết cổ lúc sống”.

Tại Kết luận giám định Số: 130/KLGD ngày 15/4/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận:

- + Mẫu chất màu nâu (nghi máu) thu trên xe máy BKS 81B1-636.xx (ký hiệu M1) gửi giám định có máu người, nhóm máu 0.

- + Mẫu chất màu nâu (nghi máu) thu trên xe ba gác hai bánh khung bằng kim loại (loại mooc kéo), (ký hiệu M2) gửi giám định có máu người, nhóm máu 0.

- + Đoạn dây thừng (loại dây nhựa màu trắng ngà), dài (110)cm, (ký hiệu M3) gửi giám định có máu người, nhóm máu 0.

- + 02 (hai) chiếc găng tay chống nắng màu vàng nhạt, (ký hiệu M4) gửi giám định có máu người, nhóm máu 0.

- + Mẫu máu ghi thu của nạn nhân Phạm Thị Ngọc D1: Nhóm máu 0.

- Tại Kết luận định giá tài sản số: 03/HĐĐG-KL ngày 19/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Gia Lai xác định:

- + 07 (bảy) tờ USD có mệnh giá 02 USD, ngày 23/3/2017 có giá là: 311.094đ.

- + 01 (một) xe mô tô BKS 81P1-181.xx có giá 28.000.000đ.

- + 01 (một) đôi bông tai hột chót sát tai bằng vàng tây 610 (61%), trọng lượng (4,3) phân, ngày 23/3/2017 có giá là: 1.150.000đ.

- + 01 (một) bộ trang sức bằng kim loại màu trắng (giả vàng trắng) gồm: 01 (một) sợi dây chuyền (kiểu dây mi) đã bị đứt phần móc khóa; 01 (một) mặt dây chuyền có gắn hột màu trắng xanh; 01 (một) nhẫn kiểu có gắn hột màu trắng xanh; 01 (một) lắc tay có gắn hột màu trắng, ngày 23/3/2017 có giá là: 400.000đ.

- + 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 có giá là: 5.990.000đ.

- + 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu SONY XPERIA (đã qua sử dụng), ngày 23/3/2017 có giá là: 5.990.000đ.

- + 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng (đã qua sử dụng), ngày 23/3/2017 có giá là: 80.000đ.

+ 01 (một) ví da màu nâu, (đã qua sử dụng), ngày 23/3/2017 có giá là: 450.000đ.

+ 01 (một) cặp đựng tài liệu bằng da màu nâu (đã bị Nguyễn Thanh T đốt cháy ngày 24/3/2017). Hội đồng định giá không định giá, lý do: Không có hiện vật, không rõ xuất xứ, nhãn hiệu, kích thước...

Tổng giá trị tài sản qua định giá là: 42.371.094đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 63/2017/HS-ST ngày 22- 9 - 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm các tội “Giết người” và “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm q, điểm e khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T** hình phạt **Tử hình** về tội “Giết người”.

Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 08 (Tám) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 về tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là hình phạt **Tử hình**.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, về thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 – 9 – 2017, bị cáo Nguyễn Thanh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Trước khi phạm tội bị cáo là công dân tốt, sau khi gây án ra đầu thú, trong quá trình điều tra khai báo thành khẩn, gia đình có 07 con nhỏ, vợ không có công ăn việc làm ổn định, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo T cho rằng trước khi phạm tội bị cáo là một công dân tốt, sau khi gây án ra đầu thú, trong quá trình điều tra khai báo thành khẩn, gia đình có 07 con nhỏ, vợ không có công ăn việc làm ổn định, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên xin Tòa áp dụng phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ông Lê Đình Q là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của người bị hại cho rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh T là đặc biệt nghiêm trọng nên yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời bào chữa của luật sư cho bị cáo Nguyễn Thanh T nhất trí về phần tội danh và các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng để xét xử đối với bị cáo T. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai rút truy tố bị cáo T từ khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự sang khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo T 08 năm tù là nghiêm khắc. Bị cáo T có ý định giết chị D1 khi chị D1 đến nhà bị cáo T. Về bồi thường số tiền 150.000.000đ là không đúng vì đây là tiền vay. Luật sư còn cho rằng bị cáo T có nhân thân tốt còn có khả năng cải tạo, giáo dục thành người tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Thanh T khai nhận: Năm 2016, Nguyễn Thanh T có vay 150.000.000đ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh C nhưng không có tiền để trả nên T điện thoại cho chị Phạm Thị Ngọc D1 vay số tiền nói trên được chị D1 đồng ý. Khoảng 11 giờ ngày 22 - 3 - 2017, T đã đến phòng trọ của chị D1 và chị D1 đã đưa cho T 150.000.000đ, T viết giấy biên nhận nợ đưa cho chị D1. T đem tiền đến trả cho Ngân hàng và xin vay lại nhưng Ngân hàng không đồng ý vì T chậm trả lãi nhiều lần. T điện thoại cho chị D1 nhờ chị D1 vay giúp 200.000.000đ hẹn chiều ngày 23 - 3 - 2017 chị D1 đến nhà T để lấy 03 bì đỏ làm thủ tục vay tiền. Chiều ngày 23 - 3 - 2017, chị D1 đến nhà T bảo T đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chị D1 làm thủ tục vay Ngân hàng. Do có ý định giết chị D1 nhằm chiếm đoạt số tiền 150.000.000đ đã vay nên trước khi chị D1 đến nhà, T đã bảo vợ con đến nhà anh Nguyễn Thế Nhân chơi và khi chị D1 nói T đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì T nói dối với chị D1 “Giấy tờ gửi ở nhà mẹ là bà Trương Thị X để T đi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua đưa”. T đi ra chuồng bò lấy đoạn dây thừng đem vào, lợi dụng lúc chị D1 đang sử dụng điện thoại, mất cảnh giác, T đã dùng dây thừng xiết cổ chị D1 cho đến chết. Sau đó, T kéo xác chị D1 vào trong buồng ngủ và tiếp tục treo cổ chị D1 vào thành giường, T đi mua 02 bao xác rắn để đựng xác chị D1. T tháo toàn bộ trang sức trên người chị D1 bao gồm: 01 lắc tay, 01 sợi dây chuyền, 01 nhẫn, 02 khuyên tai, rồi bỏ xác chị D1 vào trong bao xác rắn, dọn dẹp hiện trường và lấy điện thoại của chị D1. Đợi đến tối, T dùng xe chở xác chị D1 đến bỏ xuống giếng rẫy nhà T để phi tang. Khi quay về nhà, T dắt xe mô tô của chị D1 vào trong nhà cất giấu. Khoảng 06 giờ ngày 24 - 3 - 2017, T đem giấy biên nhận nợ, cặp da đựng các giấy tờ, tài

liệu của chị D1 vào rẫy của gia đình T để đốt. Tài sản của chị D1 do T chiếm đoạt theo kết quả định giá có tổng giá trị 42.371.094đ.

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thanh T, đối chiếu thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thanh T đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử về các tội “Giết người” và “Cướp tài sản” theo các điểm q, e khoản 1 Điều 93; khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Mặc dù bị cáo Nguyễn Thanh T bỏ trốn và sau khi biết được xác chị D1 bị phát hiện T đã ra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội, hoàn cảnh gia đình có khó khăn. Nhưng xét, hành vi phạm tội của bị cáo T là đặc biệt nghiêm trọng, cùng một lúc phạm 02 tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Xét thấy bị cáo T không còn khả năng cải tạo, giáo dục nên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt Nguyễn Thanh T tử hình về tội “Giết người”, 08 năm tù về tội “Cướp tài sản” là tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra. Đối với số tiền 150.000.000đ mà luật sư nêu ra, bị cáo T chấp nhận và không có kháng cáo, không có kháng nghị về phần này nên Hội đồng xét xử không xét. Do đó, Hội đồng xét xử Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T cũng như lời bào chữa của luật sư cho bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh T phạm các tội “Giết người” và “Cướp tài sản”.

Áp dụng các điểm q, e khoản 1 Điều 93; khoản 1 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm d khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999. Áp dụng khoản 4 Điều 329; điểm d khoản 1 Điều 367 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt: **Nguyễn Thanh T** Tử hình về tội “Giết người” và 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chấp hành là **Tử hình**.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thanh T để đảm bảo công tác thi hành án.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Thanh T có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước xin ân giảm án tử hình.

2. Về án phí: Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm